

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS HOÀNG LÊ KHA

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
cuối năm - năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học có hộ khẩu thường trú (HKTT) tại Phường 9, Phường 13 (khu phố 1, 2, 6) và học sinh hoàn thành chương trình tiểu học tại Quận 6, có HKTT ngoài Quận 6, số lượng tuyển sinh như sau: - Học sinh có HKTT tại Phường 9: tuyển 134 học sinh - Học sinh có HKTT tại Phường 13 khu phố 1, 2, 6: tuyển 151 học sinh - Học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học tại Quận 6, có HKTT ngoài quận 6: tuyển 74 học sinh			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Lớp 6,7: Chương trình GDPT 2018 - Lớp 8,9: Chương trình do Bộ GDĐT ban hành.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Tuân thủ theo thông tư 12/2011/TT-BGDĐT ban hành ngày 28/03/2011 của Bộ GDĐT. - Thông tư Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Hỗ trợ đáp ứng các điều kiện tối thiểu nhất của HS đối với chuẩn trường THCS.			

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm đạo đức từ trung bình trở lên. - Kết quả học tập từ trung bình trở lên chiếm 95%. - Sức khỏe tốt.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Khả năng tiến bộ của HS sẽ được đáp ứng theo chu kì kiểm định và qua các đợt báo điểm.

Quận 6, ngày 25 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Đức Nghĩa

Biểu mẫu 10

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS HOÀNG LÊ KHA**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo thực tế của trường THCS và trường THPT
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm, KQRL	1130	248	321	310	251
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1082	246 99.2	304 94.7	288 92.9	244 97.2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	47	2 0.8	17 5.3	21 6.8	7 2.8
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	1 0.33	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực, KQHT	1130	248	321	310	251
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	475	121 48.79	120 37.4	134 43.2	100 40.0
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	421	92 37.1	117 36.4	109 35.2	103 41.0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	219	34 13.71	75 23.4	62 20.0	48 19.0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	14	1 0.4	9 2.8	4 1.3	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	1 0.3	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1130	248	321	310	251
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1128 99.8	248 100.00	321 100.00	308 99.35	251 100.00
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	475 42.03	121 48.79	120 37.4	134 43.2	100 39.8
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	421 37.2	92 37.1	117 36.5	109 35.2	103 41
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	14 1.23	1 0.4	9 2.8	4 1.29	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	0	2 0.64	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	6/14 0.5/1.2	2/2 0.8/0.8	0/10 3.1	4/2 1.2/0.6	0/0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	14 1.2	5 2.0	4 1.2	3 0.9	2 0.7
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận	10	1	0	3	6
2	Cấp tỉnh/thành phố	14	0	4	8	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	251				251
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	251				251
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	100 39.84				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	103 41.04				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	48 19.12				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ		116/132	168/153	161/149	139/112
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	184	37	50	46	51

Quận 6, ngày 25 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Đức Nghĩa

Biểu mẫu 11
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS HOÀNG LÊ KHA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	30	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	30	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	29/30	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3.704 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1080 m ²	4.1 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	64 m ²	.
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1191	
1.1	Khối lớp 6	950	



1.2	Khối lớp 7	80	
1.3	Khối lớp 8	85	
1.4	Khối lớp 9	75	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	42	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Nhạc cụ		
6	Ti vi tương tác		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	
2	Cát xét	4	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Nhạc cụ	0	
6	Ti vi tương tác	0	

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	31	900	2.15 m ² /1 chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0.2 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 6, ngày 25 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Đức Nghĩa

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN
TRƯỜNG THCS HOÀNG LÊ KHA**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	74	0	4	46	8	3	13	27	25	0	43	6	1	
I	Giáo viên	49	0	2	42	5	0	0	27	22	0	41	6	0	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	8	0	0	8				2	6		7			
2	Văn	6	0	1	4	1			4	2		2	4		
3	Anh	8			8				4	4		8			
4	Lý	2			2				1	1		2			
5	Hóa	3			3				2	1		3			
6	Sinh	4			4				2	2		3			
7	Sử	3			3				2	1		3			
8	Địa	2		1	1				1	1		2			
9	GDCD	2			1	1			2			2			
10	Âm nhạc	1				1				1		1			
11	Mỹ thuật	1			1					1		1			
12	Thể dục	3			2	1				2	1	3			
13	Công nghệ	2			2					2		2			
14	Tin học	3			2	1				1	2	1	2		
15	Tổng phụ trách	1			1					1		1			
II	Cán bộ quản lý	3		2	1					3		2		1	

1	Hiệu trưởng	1		1					1				1	
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2		2			
III Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1		1										
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thư quỹ	1		1										
4	Nhân viên y tế	1				1								
5	Nhân viên thư viện	1				1								
6	Nhân viên CNTT	1			1									
7	Nhân viên thiết bị	1				1								

Quận 6, ngày 25 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Đắc Nghĩa